

CHUYÊN ĐỀ 1. BIỂU ĐỒ CỘT

1. Dấu hiệu nhận biết

- **Khả năng thể hiện:** Biểu đồ cột là biểu đồ thể hiện được quy mô, số lượng, sản lượng, khối lượng của các đối tượng khi đề bài thường yêu cầu thể hiện tình hình phát triển, so sánh tương qua các đại lượng,...

- Dấu hiệu nhận biết

+ Thường xuất hiện các cụm từ: tình hình, so sánh, sản lượng, quy mô.

+ Mốc thời gian: thường ≥ 4 năm (cột ghép ≤ 3 năm) và 1 năm cho các đối tượng (các vùng kinh tế, tỉnh, nhóm sản phẩm,...).

+ Đơn vị thường là: người/kg, triệu tấn, triệu ha, USD/người, người/km²,...

- **Một số dạng biểu đồ cột thường gặp:** cột đơn, cột chồng, cột ghép (nhóm) và biểu đồ thanh ngang.

2. Cách vẽ biểu đồ cột

Bước 1: Phân tích bảng số liệu và xây dựng hệ trục tọa độ

- Quan sát BSL để tìm giá trị nhỏ nhất, lớn nhất để xây dựng hệ trục tọa độ.

- Xác định tỉ lệ, phạm vi khổ giấy phù hợp.

- Xây dựng hệ trục tọa độ hợp lí chiều cao trục tung = $\frac{2}{3}$ chiều dài trục hoành.

Bước 2: Vẽ biểu đồ

- Đánh số chuẩn trên trục tung phải cách đều nhau.

- Không được tự ý sắp xếp lại thứ tự số liệu (nếu không có yêu cầu).

- Cột đầu tiên phải cách trục tung khoảng 0,5-1,0 cm (trừ biểu đồ lượng mưa).

- Độ rộng các cột phải đều nhau.

Bước 3: Hoàn thiện biểu đồ

- Viết số liệu trên đỉnh cột, trong cột (nếu là cột chồng).

- Viết đơn vị vào trục tung và trục hoành.

- Hoàn chỉnh bảng chú giải và tên biểu đồ.

* Lưu ý:

- Khoảng cách năm thật chính xác (nếu các địa điểm thì đều nhau).

- Không dùng các nét đứt để nối sang trục tung gây rườm rà, cột sẽ bị cắt.

- Trong một số trường hợp đặc biệt có thể vẽ khoảng cách các cột bằng nhau để đảm bảo tính trực quan và tính thẩm mỹ của biểu đồ.

3. Cách nhận xét biểu đồ cột

* Trường hợp cột đơn (chỉ có một yếu tố)

Bước 1: Xem xét năm đầu và năm cuối của bảng số liệu để trả lời câu hỏi tăng hay giảm? tăng giảm bao nhiêu?

Bước 2: Xem số liệu ở khoảng trong để trả lời tiếp là tăng (hay giảm) liên tục hay không liên tục? (lưu ý năm nào không liên tục).

Bước 3: Nếu liên tục thì cho biết giai đoạn nào nhanh, giai đoạn nào chậm. Nếu không liên tục thì năm nào không còn liên tục.

Kết luận và giải thích qua về xu hướng của đối tượng.

* Trường hợp cột đôi, ba (ghép nhóm)... (hai yếu tố trở lên)

- Nhận xét xu hướng chung.

- Nhận xét từng yếu tố một, giống như trường hợp 1 yếu tố (cột đơn).

- Kết luận (có thể so sánh, tìm yếu tố liên quan giữa hai cột).

- Có một vài giải thích và kết luận.

* Trường hợp cột là các vùng, các nước,...

- Nhận xét chung nhất về bảng số liệu.

- Sắp xếp theo tiêu chí: Cao nhất, thứ nhì,... thấp nhất (cần chi tiết).

- So sánh giữa cái cao nhất và cái thấp nhất, giữa đồng bằng với đồng bằng, giữa miền núi với miền núi,...

- Kết luận và giải thích.

* Trường hợp cột là lượng mưa (biểu đồ khí hậu)

- Nhận xét chung về tổng lượng mưa và đánh giá tổng lượng mưa.

- Sự phân mùa của biến trình mưa (mùa mưa, mùa khô từ tháng nào đến tháng nào? Tổng lượng mưa trong mùa mưa/khô).

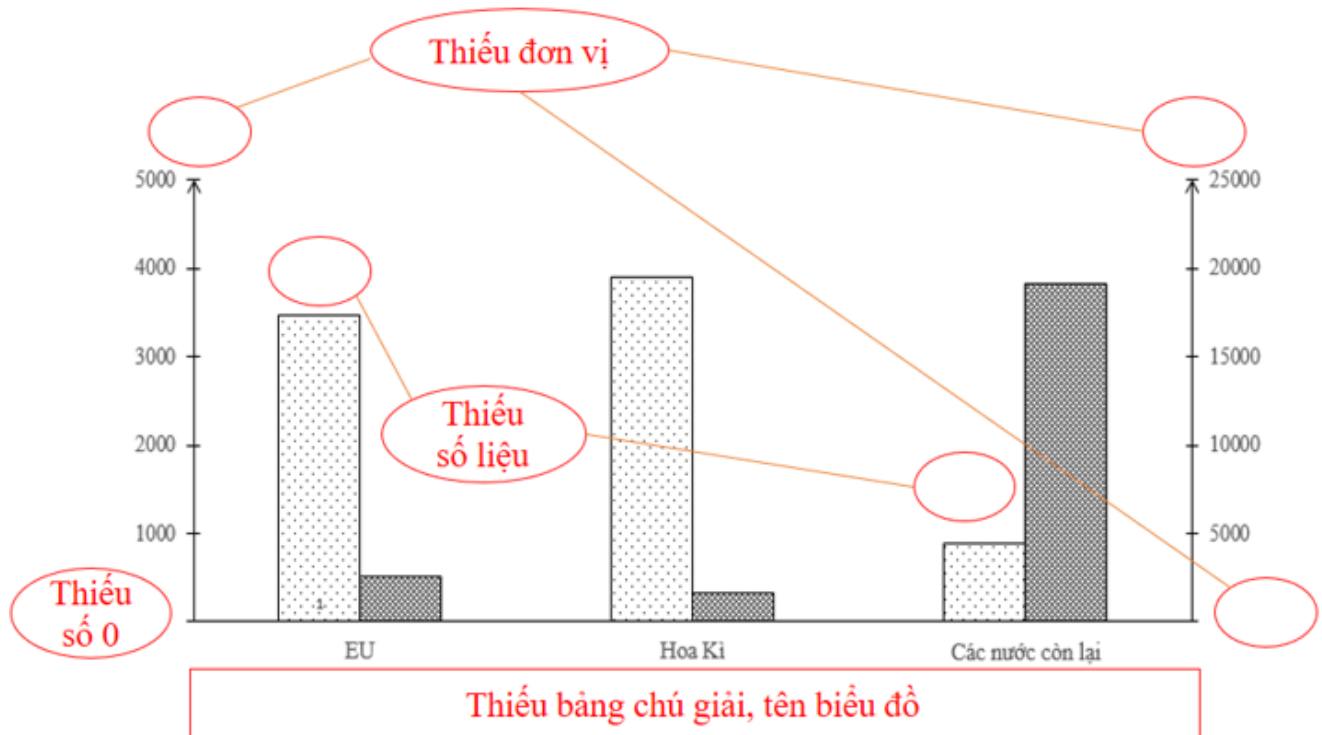
- Tháng mưa nhiều nhất, lượng mưa bao nhiêu mm và tháng khô nhất, mưa bao nhiêu?

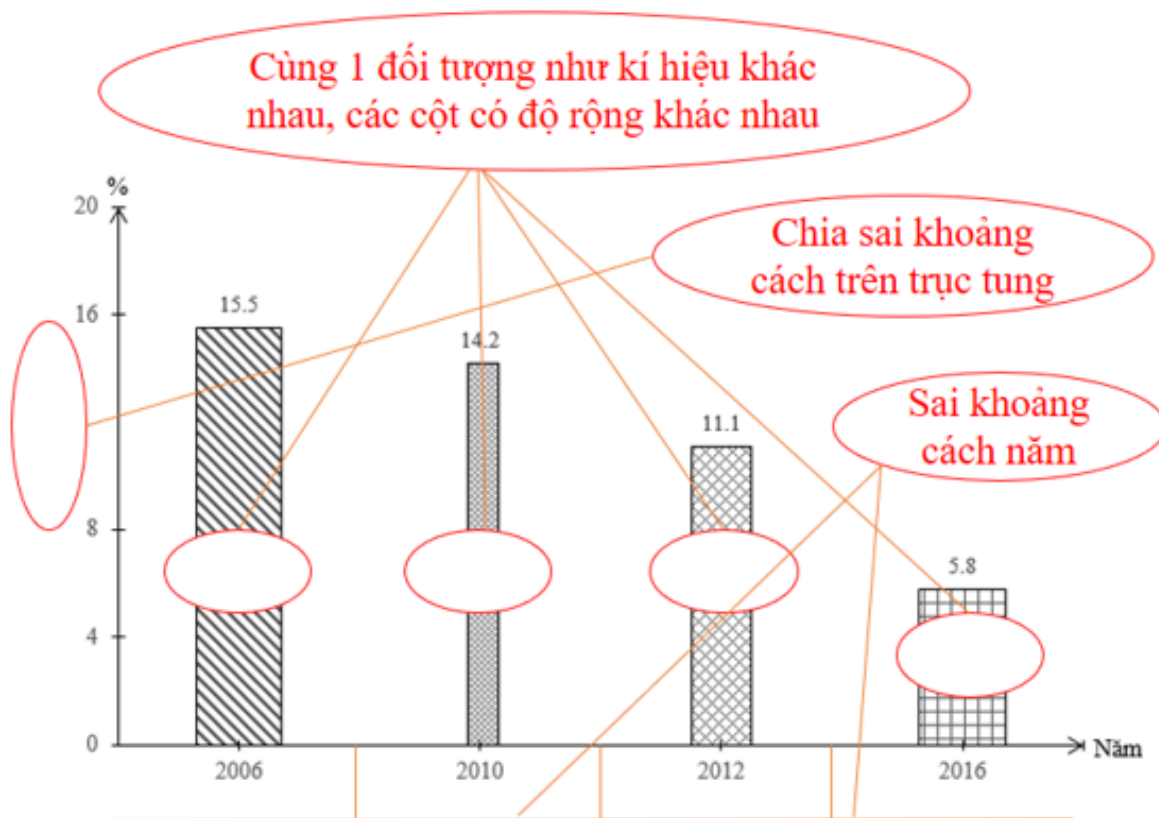
- So sánh tháng mưa nhiều nhất và tháng mưa ít nhất (có thể có hai tháng mưa nhiều và hai tháng mưa ít).

- Đánh giá biểu đồ thể hiện vị trí địa điểm thuộc miền khí hậu nào? (căn cứ vào mùa mưa tập trung; tháng mưa nhiều hay dài trải, tháng mưa ít; kết hợp cùng sự biến thiên nhiệt độ để xác định vị trí).

4. Những lỗi thường gặp khi vẽ biểu đồ cột

- Các yếu tố chính trên biểu đồ
- + Thiếu số liệu trên cột, thiếu đơn vị ở trục tung và trục hoành.
- + Thiếu số 0 ở góc tọa độ.
- + Chia sai khoảng cách năm ở trục hoành, sai tỉ lệ ở trục tung.
- + Độ rộng các cột khác nhau, cùng một đối tượng nhưng có kí hiệu khác nhau.
- Các yếu tố phụ ngoài biểu đồ: thiếu tên biểu đồ hoặc bảng chú giải.





5. Một số bài tập minh họa về biểu đồ cột

Bài tập 1: Cho bảng số liệu sau:

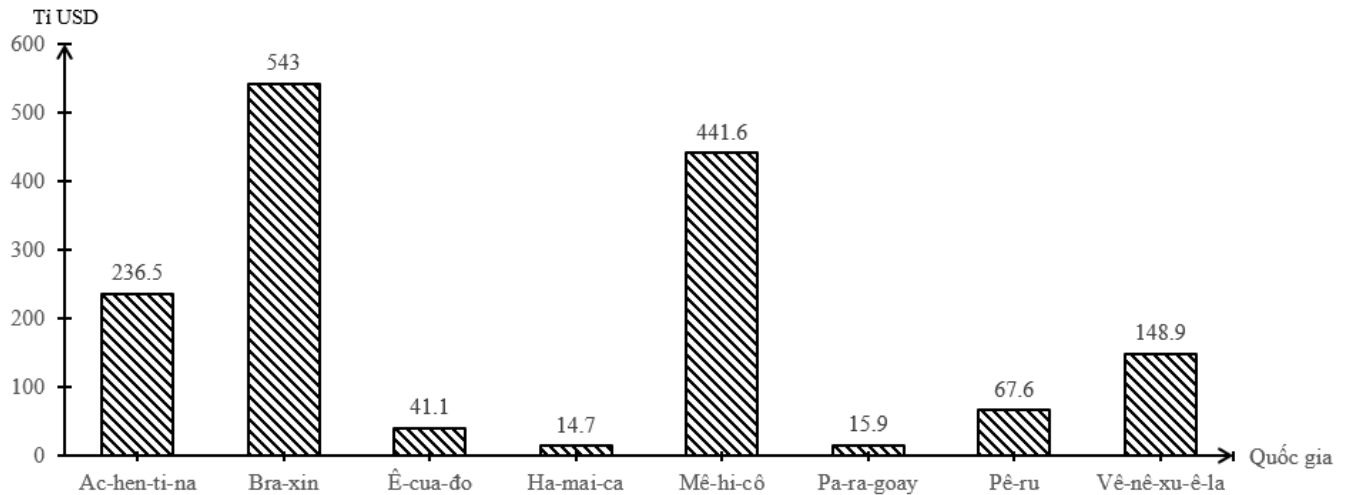
NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH, NĂM 2017 (Đơn vị: Tỷ USD)

Quốc gia	Nợ nước ngoài	Quốc gia	Nợ nước ngoài
Ac-hen-ti-na	236.5	Mê-hi-cô	441.6
Bra-xin	543.0	Pa-ra-goay	15.9
Ê-cua-đo	41.1	Pê-ru	67.6
Ha-mai-ca	14.7	Vê-nê-xu-ê-la	148.9

- Vẽ biểu đồ thể hiện tình hình nợ nước ngoài của một số quốc gia Mỹ Latinh, năm 2017.
- Nhận xét và giải thích.

Hướng dẫn trả lời

- Vẽ biểu đồ



TÌNH HÌNH NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA MĨ LA TINH, NĂM 2017

b) Nhận xét và giải thích

*** Nhận xét**

- Nhìn chung, các quốc gia khu vực Mĩ Latinh nợ nước ngoài khá nhiều.
- Bra-xin có nợ nước ngoài lớn nhất (543 tỉ USD), tiếp đến là Mê-hi-cô (441.6 tỉ USD), Ac-hen-ti-na, Vê-nê-xu-ê-la,... và Ha-mai-ca nợ nước ngoài thấp nhất (14.7 tỉ USD).
- Chênh lệch giữa quốc gia nợ nước ngoài nhiều nhất và ít nhất là 36,9 lần; giữa nước nhiều nhất và nhiều thứ 2 là 1,2 lần.

*** Giải thích**

- Các quốc gia thuộc khu vực Mĩ Latinh là các nước đang phát triển nên nợ nước ngoài nhiều để phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế.
- Các nước lớn có nợ nước ngoài lớn hơn các quốc gia có diện tích, dân số thấp do nhu cầu về phát triển nền kinh tế, các chi phí xã hội - môi trường,... lớn hơn rất nhiều. Ngoài ra còn do chính sách của từng quốc gia, nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước.

Bài tập 2: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG Ở NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2012 - 2014 (Đơn vị: Nghìn m³)

Vùng Năm	Cả nước	Tây Nguyên	Trung du và miền núi Bắc Bộ
2012	5251	620	1590
2013	5908	540	1731
2014	7701	447	2278

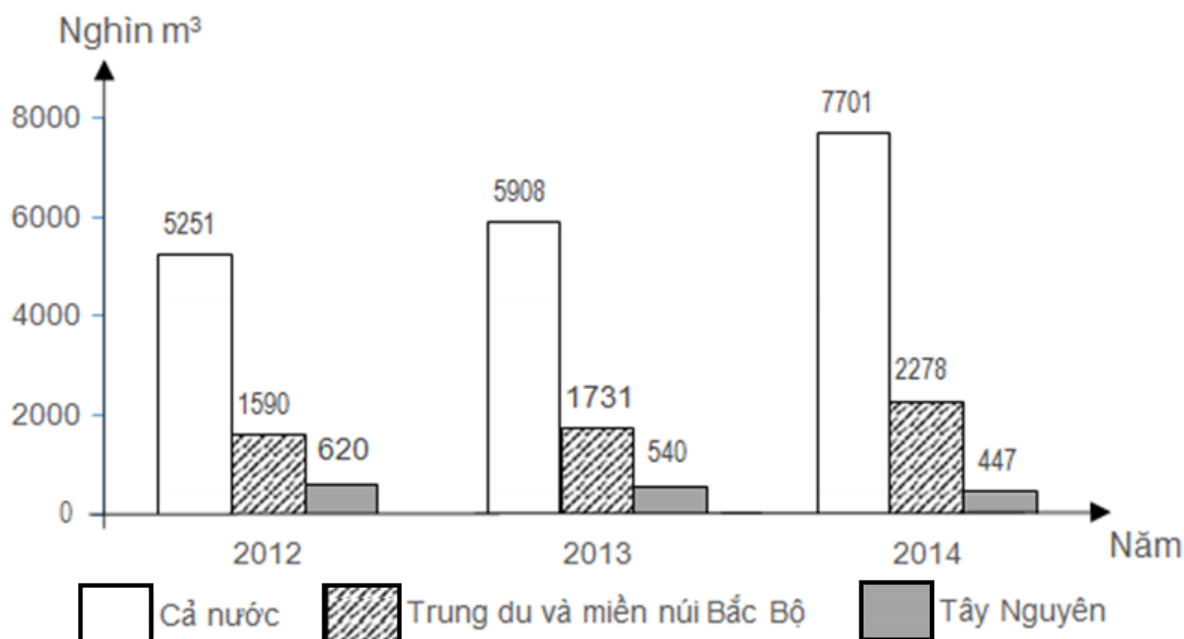
(Nguồn: Tổng cục thống kê)

a) Vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng gỗ khai thác của cả nước và một số vùng ở nước ta, giai đoạn 2012 - 2014.

b) Nhận xét và giải thích.

Hướng dẫn trả lời

a) *Vẽ biểu đồ*



SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ VÙNG, GIAI ĐOẠN 2012 - 2014

b) *Nhận xét và giải thích*

* *Nhận xét*

- Nhìn chung, sản lượng gỗ ở nước ta và một số vùng khá cao. Cả nước (7701 nghìn m³), Trung du và miền núi Bắc Bộ (1731 nghìn m³) và Tây Nguyên (447 nghìn m³).

- Sản lượng gỗ cả nước ngày càng tăng và tăng thêm 2450 nghìn m³.

- Sản lượng gỗ của Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng liên tục và tăng thêm 688 nghìn m³.
- Sản lượng gỗ của Tây Nguyên giảm liên tục và giảm 173 nghìn m³.
- Sản lượng gỗ cả nước có tốc độ tăng nhanh nhất (146,7%), Trung du và miền núi Bắc Bộ (143,3%) và Tây Nguyên chậm nhất (72,1%).

* *Giải thích*

- Cả nước tăng là do nước ta triển khai, đẩy mạnh công tác trồng rừng nên sản lượng gỗ khai thác từ các rừng sản xuất ngày càng lớn, đặc biệt là các tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang,...) tăng cường trồng thêm nhiều rừng.

- Tây Nguyên có sản lượng gỗ giảm chủ yếu do vùng Tây Nguyên trước đây khai thác gỗ tự nhiên, diện tích rừng trồng nhỏ và rừng tự nhiên giảm nhiều.

Bài tập 3: Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG Ở HÀ NỘI, NĂM 2019

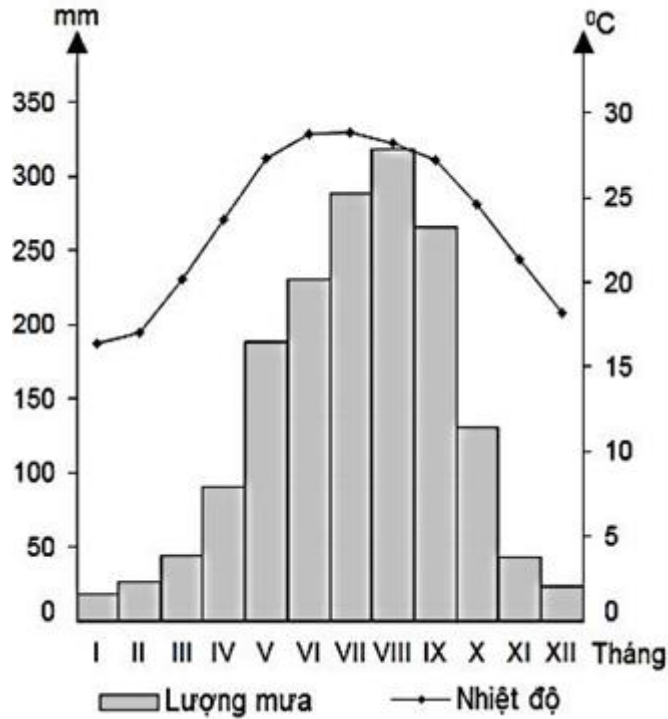
Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ (°C)	16,4	17	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	23	32	45	88	216	250	313	335	278	125	49	25

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- Vẽ biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng ở Hà Nội, năm 2019?
- Nhận xét và giải thích.

Hướng dẫn trả lời

- Vẽ biểu đồ



NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG Ở HÀ NỘI, NĂM 2019

b) Nhận xét và giải thích

* Nhận xét

- Nhìn chung, nhiệt độ và lượng mưa có sự phân hóa không đều theo thời gian.
- Nhiệt độ
 - + Nhiệt độ trung bình: $23,5^{\circ}\text{C}$.
 - + Tháng có nhiệt độ lớn nhất là tháng VII: $28,9^{\circ}\text{C}$.
 - + Tháng có nhiệt độ nhỏ nhất là tháng I: $16,4^{\circ}\text{C}$.
 - + Biên độ nhiệt năm: $12,5^{\circ}\text{C}$.
- Lượng mưa
 - + Lượng mưa trung bình năm: 1779mm.
 - + Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII: 335mm.
 - + Lượng mưa nhỏ nhất vào tháng I: 23mm.
 - + Sự phân mùa: Mùa mưa từ tháng V đến tháng X (1517mm - 85,3%), mùa khô từ tháng XI đến tháng IV năm sau (262mm). Lượng mưa mùa mưa gấp 5,7 lần lượng mưa mùa mưa.
- Kết luận: Nước ta có nền nhiệt độ cao quanh năm và lượng mưa có sự phân mùa trong năm => Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

* *Giải thích*

- Nước ta có nền nhiệt cao quanh năm và lượng mưa lớn là do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, hằng năm nhận được lượng bức xạ lớn, cân cân bức xạ luôn dương. Đồng thời, nước ta tiếp giáp với biển Đông nên có nền nhiệt ẩm dồi dào, lượng mưa lớn.

- Nền nhiệt độ tháng I tháng là do nước ta chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, đặc biệt là vùng Đông Bắc, Đồng bằng Bắc Bộ làm cho nền nhiệt hạ thấp vào các tháng XII, I và tháng II.

- Lượng mưa có sự phân mùa trong năm do biến trình mưa chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ mùa của khí hậu. Hằng năm, nước ta chịu ảnh hưởng của hai luồng gió mùa điển hình là gió mùa mùa đông (khô, lạnh đầu mùa đông; lạnh, ẩm cuối mùa đông) và gió mùa mùa hạ (nóng, ẩm, mưa nhiều).